

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Hằng và ông Lê Hoàng Chuân;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vương Thị V, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Những người làm chứng:

1, Ông Hà Văn C, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2, Bà La Thị D, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

3, Anh Vương Trọng H, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Vương Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là khi về chung sống cùng nhau hai vợ chồng chị không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh H thiếu trách nhiệm với gia đình, tính tình nóng nảy, cục cằn. Ngày 28/7/2021 anh H say rượu đập phá nhà cửa, nên chị đã sống ly thân, nhưng sau đó được gia đình khuyên giải anh chị lại về chung sống cùng nhau, nhưng chỉ được một thời gian, đến ngày 29/12/2021 anh H lại tiếp tục đập phá nhà cửa và đe dọa nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ để ở thôn S, xã K để ở, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, anh chị không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có cách nào để hàn gắn hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung H để ổn định cuộc sống.

Về con: Chị Vương Thị V xác định chị và anh Nguyễn Trung H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình H - Sinh ngày 18/10/2016, hiện nay cháu đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đình H đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Trung H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và vay nợ: Chị Vương Thị V xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung; Vợ chồng chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung H xác nhận anh có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với chị Vương Thị V, như chị V trình bày là đúng. Tuy nhiên anh H cho rằng vợ chồng anh vẫn chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn, anh và chị V vẫn chung sống với nhau, không có việc sống ly thân như chị V trình bày. Anh không đồng ý ly hôn với chị V vì anh không có lỗi trong hôn nhân, vợ chồng anh chị cần phải về với nhau để chăm sóc, nuôi dạy con.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình H - Sinh ngày 18/10/2016. Tuy nhiên do anh không đồng ý ly hôn, nên anh không đề cập vấn đề về nuôi và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và vay nợ: Anh Nguyễn Trung H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung; Vợ chồng anh không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Nguyễn Trung H vắng mặt không có lý do. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh từ chối ký nhận, không cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai các tài liệu chứng cứ và hòa giải.

Những người làm chứng và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị Vương Thị V và anh Nguyễn Trung H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 05/12/2014, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình H, sinh năm 2016. Từ tháng 12/2021 chị V chuyển từ thôn P về sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn S, xã K cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được. Chị V hiện là giáo viên lương trung bình hàng tháng 7.664.485đồng, anh H làm nghề tự do, mức thu nhập bình quân của lao động phổ thông tại địa phương là 3.900.000đồng/người/tháng.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị Vương Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Nguyễn Trung H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, không có lý do theo quy định tại khoản 16 Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Để giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Vương Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Vương Thị V trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Vương Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1990. Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Vương Thị V có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào 3 Điều 228; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và những người tham gia tố tụng khác.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn chị Vương Thị V, người làm chứng, kết quả xác minh tại thôn và UBND xã K có đủ căn cứ xác định: Chị Vương Thị V và anh Nguyễn Trung H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/12/2014 tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách trong cuộc sống gia đình. Theo chị V thì anh H thiếu trách nhiệm với gia đình, tính tình nóng nảy, cục cằn, hay đập phá đồ đạc, nhà cửa. Tháng 12/2021 chị V đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn S, xã K để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được đôi bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Về phía anh H không nhất trí ly hôn vì anh cho rằng vợ chồng anh không có gì mâu thuẫn lớn, anh không có lỗi trong việc chị V tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, anh đã nhiều lần đến gọi chị V quay về, nhưng chị V không về, anh không có lỗi trong việc mâu thuẫn của vợ chồng, nên anh không nhất trí ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh H từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa

án. Từ đó cho thấy anh H có thái độ bỏ mặc, không quan tâm và không có thiện chí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ gia đình. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu giải quyết ly hôn của chị V là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị V và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 18/10/2016, hiện cháu đang ở cùng chị V. Khi ly hôn, chị V đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Do anh H không đồng ý ly hôn, nên anh không đề cập đến vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu H. Xét thấy chị V là giáo viên có mức thu nhập là 7.664.485 đồng/tháng, anh H là lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng với người lao động tự do tại địa phương là 3.900.000 đồng/tháng. Như vậy chị V và anh H đều đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu H. Tuy nhiên để đảm bảo quyền được nuôi dưỡng và chăm sóc tốt nhất cho sự phát triển cả về thể chất và tinh thần của cháu H. Cần giao cháu H cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng chị V không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và vay nợ: Chị Vương Thị V và anh Nguyễn Trung H đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Vương Thị V phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 3 điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vương Thị V:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Vương Thị V trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trung H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Vương Thị V phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004313 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Vương Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trung H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã K (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa